

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HẸN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Hiến
Ông Lê Văn Vững

(Bà D có mặt tại phiên tòa, ông H có đơn xin vắng mặt phiên tòa).

Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc bên nhau được hơn 20 năm, thời gian 03 năm gần đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hôn nhân ngày càng lạnh nhạt, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, khiến cho hôn nhân nặng nề áp lực. Vợ chồng

đã có nhiều cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng không thể giải quyết. Vợ chồng đã ly thân 03 năm.

Hiện nay bà D không còn tình cảm với ông H nên yêu cầu được ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Có 03 con chung tên Lê Thị Tố U, sinh năm 1995; Lê Thị Tố Như, sinh năm 1997 và Lê Phú Quới, sinh năm 2000, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

Ông Lê Khắc H trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị D tự nguyện yêu thương nhau thành vợ chồng, được hai bên gia đình đồng ý, nhưng không tổ chức đám cưới, vợ chồng về sống với nhau tại xã Mỹ Quý từ năm 1994 đến năm 2017, không có đăng ký kết hôn.

Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hạnh phúc bên nhau được hơn 20 năm, thời gian 03 năm gần đây, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hôn nhân ngày càng lạnh nhạt, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, khiến cho hôn nhân nặng nề áp lực. Vợ chồng đã có nhiều cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng không thể giải quyết. Vợ chồng đã ly thân 03 năm.

Nay bà D yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

- *Về nuôi con chung*: Có 03 con chung tên Lê Thị Tố U, sinh năm 1995; Lê Thị Tố N, sinh năm 1997 và Lê Phú Q, sinh năm 2000, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về chia tài sản*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị D ghi ngày 04/5/2020, quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Lê Khắc H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị D và ông Lê Khắc H sống chung từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung vợ chồng có hạnh phúc được hơn 20 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã ly thân, vợ chồng không hàn gắn được tình cảm nên bà D yêu cầu được ly hôn, ông H đồng ý ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông H vì cho rằng tình cảm không còn, hiện nay vợ chồng đã ly thân và từ thời gian ly thân đến nay hai bên không hàn gắn được và ông H cũng đồng ý ly hôn nhưng do hôn nhân của ông, bà không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 luật Hôn nhân gia đình Việt Nam; Tại khoản 1 Điều 9 có ghi: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Và tại khoản 1 Điều 14 có ghi: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Nên không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Huỳnh Thị D và ông Lê Khắc H.

[3] *Về con chung*: Có 03 con chung tên Lê Thị Tố U, sinh năm 1995; Lê Thị Tố N, sinh năm 1997 và Lê Phú Q, sinh năm 2000, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Không có.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Huỳnh Thị D và ông Lê Khắc H.

- Về quan hệ nuôi con chung: Bà D và ông H thống nhất có 03 con chung tên Lê Thị Tố U, sinh năm 1995; Lê Thị Tố N, sinh năm 1997 và Lê Phú Q, sinh năm 2000, hiện các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Huỳnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số BI/2019/0000453, quyền số 0010 ngày 04/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tU án hôm nay bà D được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án cấp trên. Đối với ông H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND Tỉnh ĐT;
- VKSND cùng cấp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án (M)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

NGUYỄN THANH MAI